TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---	---

Bản án số: 14/2018/DS-PT
Ngày: 18/01/2018
V/v tranh chấp chia thừa kế, chia tài sản chung,yêu cầu thanh toán tiền xây dựng, tiền thuê nhà.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên Anh
Các thẩm phán: Bà Lê Thị Bích Lan
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Ly, Thư ký Tòa án
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hà, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2017/TLPT-DS ngày 22/11/2017 về việc "Tranh chấp chia tài thừa kế, chia tài sản chung, yêu cầu thanh toán tiền xây dựng, tiền thuê nhà".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 385/2017/QĐ-PT ngày 26/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐPT-HPT ngày 10/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958 *(có mặt)*

HKTT: Số cũ 12 Lô B khu di dân tổ 5B, phường TN, quận H, thành phố Hà Nội, nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, thành phố Hà Nội.

Trú tại: Số 42 phố LT, phường TL, quận H, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1950*(có mặt)*

HKTT: Số 47 ngõ 295 BM, phường BM, quận H, thành phố Hà Nội.

Trú tại: Số cũ 12 Lô B khu di dân tổ 5B, phường TN, quận H, thành phố Hà Nội, nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1953 *(có mặt)*
- Anh Nguyễn Quang L, sinh năm 1982 *(có mặt)*
- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 *(có mặt)*
- Cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 2014 (do anh L, chị H làm đại diện)
- Anh Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1980 *(có mặt)*
- Chị Trương Thị H, sinh năm 1987 *(có mặt)*

- Cháu Nguyễn Tuấn Khôi N, sinh ngày 15/8/2015 (do anh D, chị H làm đại diện)

- Chị Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1976 *(có mặt)*

- Cháu Nguyễn Bảo N, sinh năm 2007

- Cháu Nguyễn Bảo Q, sinh năm 2009

(cháu N, cháu Q do chị N làm đại diện)

Cùng trú tại: Số cũ 12 Lô B khu di dân tổ 5B, phường TN, quận H, thành phố Hà Nội, nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1987

HKTT: Số cũ 12 Lô B khu di dân tổ 5B, phường TN, quận H, thành phố Hà Nội, nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, thành phố Hà Nội.

Trú tại: Số 40B tổ 24 TL, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của chị A: Bà Lê Minh N, sinh năm 1954. Trú tại: Tổ 10, phường YH, quận C, thành phố Hà Nội. *(có mặt)*

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947 *(có mặt)*

Trú tại: Số 40B tổ 24 TL, quận H, thành phố Hà Nội.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1944 *(có mặt)*

- Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1953 *(có mặt)*

- Ông Nguyễn Hoàng H1, sinh năm 1962 *(có mặt)*

Cùng trú tại: xã TL1, huyện BL, tỉnh N.

Đại diện theo ủy quyền của bà L, bà Hợi, bà G, ông H1 là bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958 (Văn bản ủy quyền số 306.2015 tại Văn phòng công chứng số 1 thành phố Hà Nội).

- Ông Lê Hồng Q

Địa chỉ: Số 24/331 TKC, quận H, thành phố Hà Nội.

- Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Trụ sở: 33 ĐCV, phường LĐH, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đại P– Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Đình T, Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận H. Văn bản ủy quyền số 30/UBND-TNMT ngày 08/01/2018.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Ngọc A, là bà Phạm Thị Kim X, Công ty luật V, luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Do có kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và bị đơn ông Nguyễn Mạnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Bố mẹ bà là cụ Nguyễn Văn S và cụ Lê Thị P sinh được 04 người con gồm: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947; ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1950; ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1953 (chết ngày 13/11/2014, không có vợ con); bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958. Năm 1942, cụ S lấy vợ hai là cụ Lê Thị P1 và sống tại xã TL1, huyện BL, tỉnh N sinh được 04 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1944; bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1954; ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957 (chết năm 1994, không có vợ con);

ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1961. Năm 1964 cụ Nguyễn Văn S chết, năm 1993 cụ Lê Thị P1 chết, năm 2007 cụ Lê Thị P chết, đều không để lại di chúc. Ngoài những người con trên bố mẹ bà không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Về ngôi nhà số cũ 12 Lô B khu di dân tổ 5B, phường TN, quận H, Hà Nội, nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội có nguồn gốc do năm 1993 Nhà nước thực hiện quy hoạch thu hồi đất để mở đường TKC nên đã thu hồi 30 m^2 đất tại số 6, xóm VĐL của hộ mẹ con bà. Thời điểm Nhà nước thu hồi nhà đất, tại địa chỉ trên theo hộ khẩu và thực tế nhà bà có 04 nhân khẩu gồm: Cụ Lê Thị P (là chủ hộ), ông Nguyễn Văn H2, bà và cháu Nguyễn Thị Ngọc A (là con gái bà L). Do vậy, Nhà nước đã căn cứ vào những người có tên trong sổ hộ khẩu lúc đó để giao đất tái định cư với diện tích 45m^2 đất tại địa chỉ số 12 Lô B khu di dân hồ TN, phường TN, quận H, Hà Nội (có phiếu rút thăm nhà đất ngày 22/8/1993 do mẹ bà đứng tên rút thăm) cùng số tiền đền bù là 30.000.000đ. Số tiền đền bù trên do mẹ bà sử dụng chi tiêu sinh hoạt, không ai phải đóng góp nuôi cụ P.

Năm 2001, ba chị em (ông H2, bà L, bà B) cùng góp tiền riêng để xây dựng nhà ở tại lô đất nói trên.

Năm 2002, do gia đình bà có nhu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu ngôi nhà trên nên gia đình bà đã họp với nội dung cùng nhất trí để ông Nguyễn Văn H2 đứng tên làm thủ tục. Năm 2004, nhà đất trên đã được Ủy ban nhân dân quận H, Hà Nội cấp giấy chứng nhận mang tên ông Nguyễn Văn H2.

Cuối năm 2004, gia đình bà cho thuê tầng 1. Năm 2007, cụ P chết, tháng 5/2008 gia đình bà cho thuê tiếp tầng 2 và tầng 3 để lấy tiền chi tiêu sinh hoạt. Tháng 11/2014, ông H2 chết không để lại di chúc. Cuối tháng 11/2014, ông H chuyển cả gia đình về sống tại nhà trên, đuổi những người đang thuê nhà đi và không cho bà, bà L, chị A vào ở ngôi nhà đó. Gia đình bà đã họp nhiều lần đề nghị ông H và gia đình ra khỏi nhà trên nhưng họ vẫn cố tình ở tại đó. Do vậy, bà B đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế, chia tài sản chung, tiền xây dựng nhà đất tại ngôi nhà số cũ 12 Lô B khu di dân tổ 5B, phường TN, quận H, Hà Nội, nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội theo quy định của pháp luật.

Tại đơn ngày 22/4/2016 bổ sung đơn khởi kiện và lời khai của bà B: Ngôi nhà tại số cũ 12 Lô B khu di dân tổ 5B, phường TN, quận H, Hà Nội, nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội do ba chị em bà (ông H2, bà L và bà) có vay mượn tiền để xây dựng, cụ thể:

- Vay của ông Lê Minh T, sinh năm 1950, trú tại số 22 tổ 63 phường Hoàng Văn Thụ, quận M, Hà Nội số tiền 50.000.000đ.

- Vay của chị Trần Thị H, trú tại số 63 ngõ 153/7 đường Trường Chinh, Hà Nội số tiền 40.000.000đ.

- Vay của ông Lê Trọng T sinh năm 1952, trú tại 30 tổ 63 đường Hoàng Văn Thụ, quận M, Hà Nội 50.000.000đ.

- Vay của chị Triệu Thị D chồng là Lê T, trú tại 26 tổ 63 đường M, phường Hoàng Văn Thụ, quận M, Hà Nội số tiền là 100.000.000đ.

Tổng số tiền vay là 240.000.000đ, ngoài ra ba chị em còn vay mượn thêm của một số người khác nhưng sau đó đã trả là 160.000.000đ. Tổng số tiền xây ngôi

nhà là 400.000.000đ. Sau khi xây dựng xong ba chị em bà đã thanh toán trả nợ hết cho những người đã vay. Nay bà yêu cầu ông H phải thanh toán cho ba chị em bà (ông H2, bà L và bà) số tiền xây dựng trên.

Do gia đình nhà ông H về ở từ tháng 11/2014 làm mất khoản thu nhập từ việc cho thuê nhà là 12.000.000đ x 34 tháng (tính đến tháng 8/2017) = 408.000.000đ, yêu cầu ông H phải thanh toán số tiền này cho bà, bà L, ông H2.

Đối với yêu cầu phản tố của ông H, bà không đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Ngọc A, bà nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Mạnh H trình bày: Ông H nhất trí với trình bày của bà B về việc bố ông là cụ Nguyễn Văn S có hai đời vợ và có các con nêu trên là đúng. Các cụ chết đều không để lại di chúc. Năm 1960, mẹ ông mua nhà đất tại số 8 VĐL của ông Đỗ Oanh với giá 110 đồng. Tiền mua nhà trên là do mẹ ông vay trả góp hàng tháng để mua. Năm 1976, mẹ ông bán nhà và mua nhà cấp 4 tại số 6 VĐL. Số tiền bán nhà còn lại bà dùng xây nhà trên để ở. Thời điểm sinh sống tại nhà số 6 VĐL có mẹ ông cùng với bà L, bà B và ông H2 ở. Còn ông thì đã tách hộ khẩu và ở tại căn bếp tại số 10 VĐL do cụ P cho. Năm 1992, Nhà nước có lấy toàn bộ diện tích nhà đất của mẹ ông tại số 6 VĐL để giải tỏa làm đường. Do vậy, mẹ ông được nhà nước đền bù 35.000.000đ và 45 m^2 đất tại 12 lô B khu di dân hồ TN nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội. Nhà đất này đã được cấp sổ đỏ. Còn ông và gia đình ông lúc đó đang ở tại số 10 VĐL (phần căn bếp được cụ P cho) nên ông cùng gia đình cũng được Nhà nước đền bù một ngôi nhà khác tại lô G, ô 16 tổ 53, đường Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, quận M, Hà Nội. Sau đó, ông đã bán nhà trên và mua một ngôi nhà khác tại số 47 ngõ 295 BM, phường BM, quận H, Hà Nội.

Đối với số tiền 35.000.000đ mà mẹ ông được đền bù nhà đất thì bà L đã cầm và sử dụng vào việc xây dựng nhà cửa và kinh doanh tại Hợp tác xã đúc gang Tiền Phong. Ông cũng không có ý kiến gì và cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với việc xây dựng nhà tại số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội do ai đứng lên xây dựng, bỏ tiền ra xây thì ông không biết. Còn ông và vợ con ông chuyển về ăn ở sinh sống tại nhà trên ngay khi ông H2 chết.

Nay bà B khởi kiện, quan điểm của ông là muốn được ở tại nhà đất trên, ông sẽ có trách nhiệm thanh toán cho bà B và bà L số tiền 1.800.000.000đ để hai bà đi tìm nơi ở khác. Vì nhà trên để thờ cúng và hiện gia đình ông đang ở, quản lý sử dụng. Hiện tất cả các giấy tờ liên quan đến nhà đất trên do bà B đang quản lý, ông không có giấy tờ và tài liệu gì để nộp cho Tòa án.

Ngày 13/6/2016 ông Nguyễn Mạnh H bổ sung lời khai: Ngôi nhà số 8 VĐL mà trước đây mẹ ông ở là tiền xương máu của Nhà nước trả ông từ năm 1969 đến 1974 thể hiện ở quyết định ra quân và sổ hộ khẩu. Ông khẳng định tiền xây dựng ngôi nhà số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội là toàn bộ tiền gia đình ông được bồi thường từ ngôi nhà số 8 VĐL, không phải là tiền của ai đóng góp, ông khẳng định ngôi nhà này là của ông và ông muốn giữ lại để làm nơi thờ cúng như ý nguyện của mẹ ông và em trai ông. Ông không chấp nhận việc bà B yêu cầu

thanh toán tiền xây dựng và tiền mất thu nhập do thuê nhà.

Đối với yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Ngọc A: Ông không chấp nhận yêu cầu này vì thời điểm đó chị A chỉ là người nhập hộ khẩu nhờ nên chị không có quyền lợi gì đối với ngôi nhà này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/7/2016 ông Nguyễn Mạnh H có đơn phản tố: Ông không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Ngọc A về việc yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nhà số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội đứng tên ông Nguyễn Văn H2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Ngày 28/6/2016 chị Nguyễn Thị Ngọc A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu độc lập nội dung cụ thể như sau:* Chị xác định nhà số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội là tài sản chung của chị, cụ P, ông H2, bà B và yêu cầu chia tài sản chung theo pháp luật. Ngoài ra chị yêu cầu hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên ông Nguyễn Văn H2 vì thời gian đó chị còn nhỏ chưa thể ký vào các văn bản cấp giấy chứng nhận.

- *Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Hoàng H đều ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B làm đại diện trình bày:* Bà Hợi, bà G, ông H1 đều thống nhất với lời khai của bà B đã trình bày tại tòa. Tất cả đều nhất trí với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà B và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Bà Lê Thị H trình bày:* Bà và ông Nguyễn Mạnh H kết hôn năm 1974. Sau khi kết hôn, ông bà về chung sống tại địa chỉ số 10 VĐL, TKC, quận H, Hà Nội. Sau khi được Nhà nước giải tỏa đền bù phần nhà bếp của ông bà tại số 10 VĐL thì ông bà chuyển về sống tại lô G, ô 16 tổ 53, đường Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, quận M, Hà Nội. Được một thời gian, vợ chồng ông bà chuyển lại về sống tại số nhà 47 ngõ 295 BM, quận H, Hà Nội. Đến tháng 11/2014 khi ông H2 chết thì gia đình bà chuyển về sinh sống tại số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội. Quá trình chuyển về sinh sống tại địa chỉ trên, gia đình bà không có sửa chữa, xây dựng gì thêm. Bà Hạnh xác nhận bà và ông H có 05 người con chung là: Chị Nguyễn Thu Trang, sinh năm 1975; chị Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1976; chị Nguyễn Thị Thu Hương, sinh năm 1978; anh Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1980; anh Nguyễn Quang L, sinh năm 1982. Hiện gồm có bà, ông Nguyễn Mạnh H và các con là anh D, chị H, anh L, chị H, cháu Đạt (con chị H, anh L), chị N và hai con của chị N hiện nay đang ăn ở thường xuyên và sống tại địa chỉ số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội. Nay bà B khởi kiện, quan điểm của bà là đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Anh Nguyễn Quang L:* Anh là con đẻ của bà Hạnh và ông H. Bố mẹ anh sinh được 05 người con như bà Hạnh trình bày. Quá trình vợ chồng anh sinh sống tại nhà trên cũng không có sửa chữa hay xây dựng gì. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- *Chị Nguyễn Quang H:* Chị là con dâu của ông H và là vợ của anh Nguyễn Quang L. Anh chị kết hôn năm 2013. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại

số 47 ngõ 295 phố BM, quận H, Hà Nội. Đến tháng 10 năm 2014, tất cả gia đình chị chuyển về sống tại nhà số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội. Quá trình về ở tại nhà trên, anh chị không sửa chữa và cũng không có đóng góp gì về việc tôn tạo ngôi nhà này. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- *Anh Nguyễn Tuấn D:* Anh cũng nhất trí với phần trình bày của bố anh là ông Nguyễn Mạnh H. Anh D xác nhận năm 2014 gia đình anh đã dọn về ở tại nhà số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội. Từ khi về sinh sống ở tại nhà trên, anh cũng không có đóp góp gì trong việc xây dựng, tôn tạo nhà ở. Nay bà B khởi kiện thì quan điểm của anh cũng nhất trí với ý kiến của bố anh là ông H.

- *Chị Trương Thị H:* Chị kết hôn với anh Nguyễn Tuấn D năm 2014. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại địa chỉ số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội. Quá trình sinh sống và ở tại địa chỉ trên, chị không có công sức đóng góp tôn tạo, sửa chữa nhà gì. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- *Chị Nguyễn Thị Minh N:* Chị là con đẻ của ông H và bà Hạnh. Từ năm 2014 gia đình nhà chị đã dọn về ở tại số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội. Quá trình sinh sống và ở tại địa chỉ trên, chị không có công sức đóng góp tôn tạo, sửa chữa nhà. Chị cũng thống nhất với phần trình bày của bố chị là ông Nguyễn Mạnh H.

- *Ủy ban nhân dân quận H có ý kiến như sau:* Nhà số cũ 12 Lô B khu di dân tổ 5B, phường TN, quận H, Hà Nội, nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội được Ủy ban nhân dân quận H cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đứng tên ông Nguyễn Văn H2 theo Quyết định số 93.2004.QĐUB ngày 05/8/2004. Quá trình giải quyết hồ sơ theo đúng quy trình quy định của Quyết định 69/1999/QĐ-UB ngày 18/8/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc kê khai đăng ký nhà ở, đất ở, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị thành phố Hà Nội. Đối với việc tranh chấp đất đai và chia tài sản chung đối với nhà đất tại số 12 Lô B khu di dân tổ 5B, phường TN, quận H, Hà Nội, nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội, Ủy ban nhân dân quận H không có ý kiến và đề nghị Tòa án nhân dân quận H xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

- *Ông Lê Hồng Q trình bày tại biên bản làm việc đề ngày 11 tháng 8 năm 2017:* Ông thuê nhà số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Thành phố Hà Nội vào năm 2004. Từ tháng 11/2014 ông không thuê nữa vì gia đình ông Nguyễn Mạnh H vào ở, ông không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến nhà đất tại địa chỉ trên. Ông từ chối tham gia toàn bộ quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án. Đề nghị Tòa án không triệu tập ông.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân quận H đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B về yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu về chia thừa kế, tiền xây nhà đất tại số 12 Lô B khu di dân tổ 5B, phường TN, quận H, Hà Nội, nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội.

2. Xác nhận tài sản chung tại số 12 Lô B khu di dân tổ 5B, phường TN, quận H, Hà Nội, nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội chia cho 04 người gồm: Cụ P, ông H2, bà B và cháu A.

3. Xác nhận di sản thừa kế do cụ Lê Thị P, ông Nguyễn Văn H2 để lại là một phần tài sản ngôi nhà 05 tầng với tổng diện tích sử dụng là 44,80 m^2 nằm trên khuôn viên 130.0 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân quận H cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số cũ 12 Lô B khu di dân tổ 5B, phường TN, quận H, Hà Nội, nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội, hồ sơ gốc số 107.2004 ngày 05/8/2004 mang tên ông Nguyễn Văn H2.

4. Xác nhận những người được hưởng thừa kế của cụ Lê Thị P gồm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Hùng, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị B.

5. Xác nhận những người được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Văn H2 gồm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Hùng, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hoàng H.

6. Buộc gia đình ông Nguyễn Mạnh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang ở trên nhà đất tại số cũ 12 Lô B khu di dân tổ 5B, phường TN, quận H, Hà Nội, nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội phải trả lại nhà cho bà Nguyễn Thị B. Bà B được toàn quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ nhà đất trên.

7. Bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm thanh toán phần chia tài sản chung và phần chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị P và ông Nguyễn Văn H2 cụ thể như sau:

+ Bà B phải thanh toán cho bà L số tiền là: 804.691.000đ.

+ Bà B phải thanh toán cho ông H số tiền là: 671.358.000đ.

+ Bà B phải thanh toán cho chị A số tiền là: 1.416.298.000đ.

+ Bà B phải thanh toán cho bà Hợi, bà G, ông H1 mỗi người được hưởng số tiền là: 317.284.000đ.

8. Bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên bà theo quy định của pháp luật.

9. Không chấp nhận các yêu cầu khác của các đương sự.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 06/9/2017, ông Nguyễn Mạnh H có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, đề nghị tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 13/9/2017, bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo một phần đối với bản án sơ thẩm, cụ thể yêu cầu ông Nguyễn Mạnh H phải bồi thường thiệt hại do cố tình vào ở nhà số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội làm mất thu nhập cho thuê nhà của bà B tính đến hết tháng 8/2017 là 408.000.000đ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu kháng cáo và đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Mạnh H trình bày:

Về nguồn gốc: Ngôi nhà số 8 VĐL là do cụ P mua từ năm 1967, mua nhà trả dần. Năm 1967 ông đi bộ đội đến năm 1974 xuất ngũ. Cụ P đã nhận tiền đi bộ đội

của ông để trả dần tiền mua nhà, đây là tiền xương máu của ông. Nhà đất này không liên quan đến cụ S, không phải tài sản chung của cụ S, cụ P vì cụ S chết năm 1964, nhà cụ P mua năm 1967. Tiền xây dựng ngôi nhà số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội là toàn bộ tiền gia đình ông được bồi thường từ ngôi nhà số 8 VĐL, không phải là tiền của ai đóng góp, ông khẳng định ngôi nhà này là của ông và ông muốn giữ lại để làm nơi thờ cúng như ý nguyện của mẹ ông và em trai ông. Số tiền được đền bù cụ P đã dùng để xây nhà, ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết số tiền này. Chị A chỉ là người có tên nhờ trong sổ hộ khẩu không phải là thành viên của gia đình, không có tiêu chuẩn nhận cấp đất bồi thường giải phóng mặt bằng, không có quyền lợi gì đối với nhà đất tranh chấp.

Ông xác định nhà đất tranh chấp là của ông, hiện gia đình ông không có chỗ ở nào khác và để giữ tình cảm gia đình đề nghị HĐXX cho gia đình ông được nhận nhà đất tại số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội, gia đình ông sẽ thanh toán cho các thừa kế khác 1.500.000.000đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Ngọc A nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà B xác định nhà số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội là tài sản chung của cụ P, ông H2, bà B, chị A và đề nghị HĐXX giữ nguyên án sơ thẩm.

Vợ và các con ông Nguyễn Mạnh H thống nhất quan điểm của ông H, đề nghị Tòa án cho gia đình được nhận nhà đất tại số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội, gia đình sẽ thanh toán cho các thừa kế khác.

Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Hoàng H trình bày: Nhà đất tại số 8 VĐL là tài sản riêng của cụ P, không liên quan đến cụ S. Cụ P và các con lên Hà Nội từ những năm 1958, 1960. Cụ S ở với cụ P1 ở BL, N không có liên quan gì về kinh tế với cụ S. Nếu nhà đất này được xác định là tài sản chung của cụ S cụ P các ông bà cũng không yêu cầu phân chia lại đề nghị tòa án giữ nguyên cách phân chia như bản án sơ thẩm. Số tiền đền bù cụ P đã nhận các ông bà không yêu cầu xem xét.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận H, ông Đoàn Đình Thành xin xử vắng mặt, Tòa án công bố quan điểm của Ủy ban nhân dân quận H.

Ông Lê Hồng Q vắng mặt. Tòa án công bố lời khai của ông Quyết.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm xác định nhà đất tranh chấp là tài sản chung của cụ P, bà B, ông H2, chị A là có căn cứ, tuy nhiên quan hệ hôn nhân giữa cụ P và cụ S được điều chỉnh bởi luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, nhà tại số 8 VĐL mua năm 1960 nên được xác định là tài sản chung của cụ S và cụ P. Năm 1993 nhà nước thu hồi và đền bù 45m^2 đất và 30.670.000 đồng. Các thừa kế của cụ S, cụ P, cụ P1 đều không yêu cầu xem xét số tiền đền bù nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm về cách phân chia di sản. Tại phiên tòa bà B rút yêu cầu kháng cáo nên đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Nhận thấy:

Về hình thức: Kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, bị đơn ông Nguyễn Mạnh H kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ.

Về nội dung:

Về huyết thống: Sinh thời cụ P và cụ S sinh được 04 người con là: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947; ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1950; ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1953 (chết ngày 13/11/2014, không có vợ con); bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958. Năm 1942, cụ S lấy vợ hai là cụ Lê Thị P1 và sống tại xã TL1, huyện BL, tỉnh N sinh được 04 người con chung gồm: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1944; bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1954; ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957 (chết năm 1994, không có vợ con); ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1961. Năm 1964 cụ Nguyễn Văn S chết, năm 1993 cụ Lê Thị P1 chết, năm 2007 cụ Lê Thị P chết, đều không để lại di chúc. Ngoài những người con trên cụ S và cụ P không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Năm 1958 cụ P đưa 04 người con lên Hà Nội sinh sống, cụ S ở quê cùng vợ hai là cụ P1 và các con chung. Các thừa kế xác định mặc dù trên danh nghĩa hai cụ là vợ chồng nhưng hai cụ sống ly thân mỗi người một nơi, kinh tế riêng biệt. Năm 1960 cụ mua nhà đất tại số 8 VĐL. Năm 1976 cụ bán nhà này mua nhà cấp 4 tại số 6 VĐL. Thời điểm này chỉ có 04 người sống tại địa chỉ trên là cụ P, bà L, bà B, ông H2. Ông H tách hộ khẩu và sống với vợ con tại căn bếp số 10 VĐL. Năm 1992 khi Nhà nước lấy đất làm đường thì tại nhà số 6 VĐL có 04 người có tên trong hộ khẩu và sinh sống tại đó gồm; Cụ P, bà B, ông H2, chị A con gái bà L nên được Nhà nước giao đất tái định cư với diện tích là 45m^2.Tại phương án đền bù ngày 04/9/1993 của Ban quản lý các công trình xây dựng, Ủy ban nhân dân quận H nêu hộ cụ Lê Thị P được đền bù gồm 04 người gồm có: Cụ P, bà B, ông H2, chị A. Tại Biên bản xác minh ngày 16/01/2018 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận H cung cấp: Đất tái định cư giao trên cơ sở hộ khẩu và nhân khẩu trong hộ. Hộ cụ P gồm 04 nhân khẩu nên được giao 45m^2. Đất tái định cư giao cho hộ gia đình, không giao cho cá nhân cụ P.

Cùng thời điểm này hộ ông H cũng được nhà nước đề bù một ngôi nhà khác tại lô G, ô số 16 tổ 53, đường Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, quận M, Hà Nội. Ông H khai tiền để mua nhà số 8 VĐL là tiền xương máu nhà nước trả cho ông và nhà 05 tầng trên đất tranh chấp là tiền được bồi thường từ nhà số 8 VĐL không ai phải bỏ tiền ra xây dựng, ông khẳng định nhà đất tranh chấp là của ông. Theo Công văn số 1126/BCH-TM ngày 14/12/2016 của Ban chỉ huy quân sự quận H thì từ trước cho đến thời điểm hiện nay không có chi trả chế độ chính sách gì cho ông H tại Ban chỉ huy quân sự quận H. Ông Đỗ Văn Oanh có lời khai xác định ông không bán nhà số 8 VĐL cho ông H.

Năm 2008 bà L, bà B, ông H2 có văn bản xác định số tiền xây nhà là do bà L vay 400.000.000đ và thống nhất phương án trả nợ bằng việc cho thuê nhà. Những người cho vay tiền gồm ông Lê Minh T, chị Trần Thị H, ông Lê Trọng Tấn, chị

Triệu Thị D xác nhận việc cho chị L vay tiền. Thực tế cụ P, bà B, ông H2, chị A vẫn sinh sống tại nhà đất tranh chấp và đến năm 2004 cho thuê tầng 1, năm 2007 sau khi cụ P chết thì cho thuê tầng 2,3. Tại Biên bản họp gia đình ngày 30/07/2002 cụ P, bà B, ông H2 thống nhất để ông H2 đứng tên làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đối với nhà đất tại số 12 lô B khu di dân, tổ 5B phường TN, quận H, thành phố Hà Nội.

Như vậy, tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm ông H không xuất trình được chứng cứ để xác định nhà đất tranh chấp là của ông, cấp sơ thẩm xác định nhà đất tại số 12 lô B khu di dân, tổ 5B phường TN, quận H, thành phố Hà Nội là tài sản chung của cụ P, bà B, ông H2, chị A là có căn cứ. Số tiền đền bù do cụ P nhận, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết Tòa án không xem xét. Bị đơn ông H cũng xác định số tiền này được dùng để xây dựng nhà số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC nên cũng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quan điểm, nhà đất tại số 8 VĐL là tài sản chung của cụ S cụ P và đề nghị cấp phúc thẩm sửa lại cách phân chia di sản, nhận thấy: Theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung vợ chồng. Tuy nhiên các thừa kế đều xác định nhà đất số 8 VĐL do cụ P mua trả dần và là tài sản riêng của cụ P. Cụ S và các con của cụ S cụ P1 sống tại N, hai cụ sống ly thân không có liên quan gì về kinh tế. Tài liệu có trong hồ sơ không thể hiện có việc đóng góp của cụ S để mua nhà đất tại số 8 VĐL cùng với cụ P. Năm 1964 cụ S chết. Năm 1976 cụ P bán nhà này mua nhà cấp 4 tại số 6 VĐL. Năm 1993 Nhà nước lấy đất làm đường và đền bù trên cơ sở hộ khẩu và nhân khẩu từng hộ. Nếu nhà đất được xác định là tài sản chung của cụ S, cụ P thì các thừa kế của cụ S, cụ P, cụ P1 cũng không yêu cầu phân chia lại và đề nghị tòa án giữ nguyên cách phân chia như án sơ thẩm. Do các thừa kế của cụ S, cụ P, cụ P1 đều thống nhất cách phân chia như án sơ thẩm, không yêu cầu phân chia lại và cũng không có căn cứ xác định nhà đất tại số 8 VĐL là tài sản chung của cụ S cụ P nên giữ nguyên cách phân chia của bản án sơ thẩm.

Xem xét yêu cầu độc lập xin hủy Giấy chứng nhận của chị A nhận thấy: Phương án đền bù thể hiện chị là một trong 4 nhân khẩu được nhận đền bù. Giấy chứng nhận nhà đất tranh chấp đứng tên ông Nguyễn Văn H2 do cụ P, bà B, ông H2 có văn bản thống nhất thỏa thuận cho ông Hằng đứng tên làm thủ tục không phải tặng cho ông H2. Do Tòa án xác định chị A là một trong 4 người được hưởng phần giá trị quyền sử dụng đất nên không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở quyền sử dụng đất ở tại số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội đứng tên ông Nguyễn Văn H2 là phù hợp với quy định tại phần 2 mục 4 Công văn số 02/GD-TANDTC của Tòa án nhân dân tối cao ngày 19/9/2016, trường hợp khi giải quyết vụ việc dân sự có liên quan đến quyết định cá biệt nếu việc không hủy quyết định đó vẫn đảm bảo giải quyết đúng đắn vụ việc dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành giải quyết. Cấp sơ thẩm xác định yêu cầu phản tố của ông H chỉ là ý kiến phản đối, không xem xét như một yêu cầu độc lập là đúng quy định.

Về yêu cầu thanh toán tiền xây dựng nhà: Năm 2008 bà L, bà B, ông H2 có văn bản xác định tiền xây nhà là do bà L vay 400.000.000đ và thống nhất phương án trả nợ việc cho thuê nhà. Những người cho vay tiền có xác nhận việc cho vay nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền xây dựng của bà B là có căn cứ.

Về yêu cầu thanh toán tiền thuê nhà: Tại phiên tòa phúc thẩm bà B rút yêu cầu kháng cáo nên Tòa án đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà B theo quy định.

Theo kết quả định giá: Giá trị đất là 5.376.000.000đ; giá trị xây dựng 689.195.000đ.

Số tiền xây dựng nhà do ông H2, bà B, bà L đóng góp xây dựng, bà B có yêu cầu thanh toán tiền xây dựng nên cần thanh toán số tiền này cho ông H2, bà B, bà L. Gía trị xây dựng thực tế là 689.195.000đ – 400.000.000đ = 289.195.000đ. Số tiền còn lại được nhập vào tài sản chung của các đồng sở hữu. Tổng giá trị tài sản là: 5.665.195.000đ.

Chia tài sản chung cụ Lê Thị P, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị Ngọc A mỗi người được hưởng một phần giá trị tài sản là: 5.665.195.000đ : 04 = 1.416.298.000đ (một tỷ bốn trăm mười sáu triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Thanh toán số tiền xây dựng cho bà B, bà L, ông H2 mỗi người được nhận 400.000.000đ : 03 = 133.333.000đ (một trăm ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Cụ P chết năm 2007 những người được hưởng thừa kế của cụ Lê Thị P gồm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Hùng, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị B.

Chia di sản thừa kế thừa kế của cụ Lê Thị P: Phần tài sản của cụ P được hưởng sẽ được chia đều cho 04 người con gồm: Bà L, ông H, ông H2, bà B 1.416.298.000đ : 04 = 354.074.000đ (ba trăm năm mươi tư triệu không trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

Ông H2 chết năm 2014 những người được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Văn H2 gồm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Hùng, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hoàng H.

Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H2: Tài sản của ông H2 để lại bao gồm: Phần tài sản chung được hưởng + phần tài sản hưởng thừa kế của cụ P + phần tiền xây dựng nhà được hưởng là: 1.416.298.000đ + 354.074.000đ + 133.333.000đ = 1.903.705.000đ (một tỷ chín trăm linh ba triệu bảy trăm linh năm nghìn đồng). Di sản thừa kế của ông H2 để lại được chia cho 06 anh chị em của ông H2 theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 gồm: bà L, ông H, bà B và bà G, bà Hợi, ông H1 (là anh chị em cùng cha khác mẹ với ông H2). Cụ thể mỗi kỷ phần thừa kế quy ra giá trị bằng tiền là: 1.903.705.000 đồng : 06 = 317.284.000đ (ba trăm mười bảy triệu hai trăm tám mươi tư nghìn đồng).

- Bà L được hưởng: Một kỷ phần thừa kế tài sản của cụ P + một phần tiền xây dựng nhà + một kỷ phần thừa kế của ông H2 là: 354.074.000đ + 133.333.000đ + 317.284.000đ = 804.691.000đ (tám trăm linh tư triệu sáu trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

- Ông H được hưởng: Một kỷ phần thừa kế tài sản của cụ P + một kỷ phần thừa kế của ông H2 là: 354.074.000đ + 317.284.000đ = 671.358.000đ (sáu trăm bảy mươi mốt triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng).

- Bà B được hưởng: Một phần tài sản chung + một kỷ phần thừa kế tài sản của cụ P + một phần tiền xây dựng nhà + một kỷ phần thừa kế của ông H2 là: 1.416.298.000đ + 354.074.000đ + 133.333.000đ + 317.284.000 đồng = 2.220.989.000đ (hai tỷ hai trăm hai mươi hai triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng).

- Chị A được hưởng: Một phần tài sản chung là 1.416.298.000đ (một tỷ bốn trăm mười sáu triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng).

- Bà G, bà Hợi, ông H1 mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế của ông H2 là: 317.284.000đ (ba trăm mười bảy triệu hai trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà B có nguyện vọng xin được ở tại nhà đất tại số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, Hà Nội và có trách nhiệm thanh toán bằng tiền về phần chia tài sản chung, phần chia di sản thừa kế cho các thừa kế khác. Tại cấp phúc thẩm gia đình ông H cũng có nguyện vọng được nhận nhà đất tranh chấp và thanh toán trước cho các thừa kế khác là 1.500.000.000đ vì gia đình ông hiện không có chỗ ở nào khác. Yêu cầu về việc có chỗ ở của gia đình ông H là chính đáng, nhưng các thừa kế khác không nhất trí để ông H thanh toán và ông H cũng không chứng minh được khả năng tài chính nên không có cơ sở để xem xét. Xét thấy các thừa kế khác đồng ý để bà B thanh toán giá trị tài sản được hưởng và yêu cầu của bà B là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu thanh toán của bà B và xác định trách nhiệm thanh toán của bà B như sau:

Bà B phải thanh toán cho bà L số tiền là: 804.691.000đ (tám trăm linh tư triệu sáu trăm chín mươi mốt nghìn đồng); thanh toán cho ông H số tiền là: 671.358.000đ (sáu trăm bảy mươi mốt triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng); thanh toán cho chị A số tiền là: 1.416.298.000đ (một tỷ bốn trăm mười sáu triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng); thanh toán cho bà Hợi, bà G, ông H1 mỗi người được hưởng số tiền là: 317.284.000đ (ba trăm mười bảy triệu hai trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Do nguyên đơn bà B rút đơn kháng cáo, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà B.

Tại đơn khởi kiện ông H đề nghị hủy án sơ thẩm, tại phiên tòa đề nghị xác định tài sản tranh chấp là của ông; ông có nguyện vọng được thanh toán giá trị cho các thừa kế khác. Xét thấy kháng cáo của ông H không có căn cứ chấp nhận như phân tích trên nên không chấp nhận kháng cáo của ông H.

Về án phí:

Án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định, cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 76.419.780đ (bảy mươi sáu triệu bốn trăm mười chín nghìn bảy trăm tám mươi đồng) và 20.320.000đ (hai mươi triệu ba trăm hai mươi nghìn) tiền không chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền thuê nhà được trừ vào số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009287 ngày 6/1/2015 và 13.700.000đ (mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00285 ngày 26/4/2016 bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội. Bà B còn phải nộp số tiền án phí là 73.039.780đ (bảy mươi ba triệu không trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi đồng).

- Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 54.488.940đ án phí chia tài sản và 200.000 đồng án phí do yêu cầu độc lập không được chấp nhận. Được trừ vào số tiền 18.300.000đ (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00780 ngày 07/7/2016 chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội. Chị A còn phải nộp số tiền án phí là: 36.388.940đ (ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi đồng).

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.140.730đ (ba mươi sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

- Ông Nguyễn Mạnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.854.320đ (ba mươi triệu tám trăm năm mươi tư nghìn ba trăm hai mươi đồng).

- Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Hoàng H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị theo kỷ phần, cụ thể mỗi người phải chịu án phí là: 15.864.200đ (mười năm triệu tám trăm sáu mươi tư nghìn hai trăm đồng).

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

Áp dụng Điều 224, 634, 635, 674, 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 3, 5, 8, 24, 25,27 và Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B về yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu về chia thừa kế, thanh toán tiền xây dựng nhà tại số 12 Lô B khu di dân tổ 5B, phường TN, quận H, Thành phố Hà Nội, nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, thành phố Hà Nội.

2. Xác nhận nhà đất tại số 12 Lô B khu di dân tổ 5B, phường TN, quận H, Thành phố Hà Nội, nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, thành phố Hà Nội có Tổng giá trị tài sản là: 5.665.195.000đ là tài sản chung của 04 người gồm: Cụ P, ông H2, bà B và cháu A.

3. Xác nhận di sản thừa kế do cụ Lê Thị P, ông Nguyễn Văn H2 để lại là một phần tài sản ngôi nhà 05 tầng với tổng diện tích sử dụng là 44,80 m^2 nằm trên khuôn viên 130.0 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân quận H cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số cũ 12 Lô B khu di dân tổ

5B, phường TN, quận H, thành phố Hà Nội, nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, thành phố Hà Nội, hồ sơ gốc số 107.2004 ngày 05/8/2004 mang tên ông Nguyễn Văn H2.

4. Xác nhận những người được hưởng thừa kế của cụ Lê Thị P gồm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Hùng, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị B.

5. Xác nhận những người được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Văn H2 gồm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Hùng, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hoàng H.

6. Bà B được toàn quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ nhà đất tại số cũ 12 Lô B khu di dân tổ 5B, phường TN, quận H, thành phố Hà Nội, nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, thành phố Hà Nội. Buộc gia đình ông Nguyễn Mạnh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang ở trên nhà đất tại số cũ 12 Lô B khu di dân tổ 5B, phường TN, quận H, thành phố Hà Nội, nay là số 2 ngách 20 ngõ 331 TKC, quận H, thành phố Hà Nội phải trả lại nhà cho bà Nguyễn Thị B.

7. Bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm thanh toán phần chia tài sản chung và phần chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị P và ông Nguyễn Văn H2 cụ thể như sau:

- Bà B phải thanh toán cho bà L số tiền là: 804.691.000đ (tám trăm linh tư triệu sáu trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

- Bà B phải thanh toán cho ông H số tiền là: 671.358.000đ (sáu trăm bảy mươi mốt triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng).

- Bà B phải thanh toán cho chị A số tiền là: 1.416.298.000đ (một tỷ bốn trăm mười sáu triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng).

- Bà B phải thanh toán cho bà Hợi, bà G, ông H1 mỗi người được hưởng số tiền là: 317.284.000đ (ba trăm mười bảy triệu hai trăm tám mươi tư nghìn đồng).

8. Bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên bà theo quy định của pháp luật.

9. Không chấp nhận các yêu cầu khác của các đương sự.

10. Về án phí:

Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, bị đơn ông Nguyễn Mạnh H mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ vào số tiền dự phí kháng cáo đã nộp tại Biên lai thu số 0003045 ngày 11/9/2017 và Biên lai thu số 0003064 ngày 21/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội.

Án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 76.419.780đ (bảy mươi sáu triệu bốn trăm mười chín nghìn bảy trăm tám mươi đồng) và 20.320.000đ (hai mươi triệu ba trăm hai mươi nghìn) tiền không chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền thuê nhà được trừ vào số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009287 ngày 6/1/2015 và 13.700.000đ (mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00285 ngày 26/4/2016 bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội. Bà B còn phải nộp số tiền án phí là 73.039.780đ (bảy mươi ba triệu không trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi đồng).

- Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 54.488.940đ án phí chia tài sản và

200.000 đồng án phí do yêu cầu độc lập không được chấp nhận. Được trừ vào số tiền 18.300.000đ (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00780 ngày 07/7/2016 chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội. Chị A còn phải nộp số tiền án phí là: 36.388.940đ (ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi đồng).

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.140.730đ (ba mươi sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

- Ông Nguyễn Mạnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.854.320đ (ba mươi triệu tám trăm năm mươi tư nghìn ba trăm hai mươi đồng).

- Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Hoàng H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị theo kỷ phần, cụ thể mỗi người phải chịu án phí là: 15.864.200đ (mười năm triệu tám trăm sáu mươi tư nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Liên Anh